

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

HÀNH ĐỘNG NGẮT LỜI TRONG GIAO TIẾP
TIẾNG VIỆT XÉT TỪ GÓC ĐỘ GIỚI

GENDER EFFECTS ON VIETNAMESE CONVERSATIONAL INTERRUPTION

PHẠM HỒNG VÂN

(ThS; Đại học Thăng Long)

Abstract: This study aims to explore the differences between the interaction styles of Vietnamese men and women. The study specifically examines two interaction patterns as seen in Vietnamese talk shows: interruptions, and reactions to interruptions. The data are analyzed both quantitatively and qualitatively. In the quantitative analysis, interruptions and reactions to interruptions are identified from the excerpts and categorized. In the qualitative analysis, the context of these various interruptions is closely examined, and the functions of interruptions are presented. The results and implications are discussed.

Key words: interruptions; gender; conversation.

1. Mở đầu

1.1. Phong cách hội thoại của mỗi giới từ lâu đã là một đề tài thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Một trong những biểu hiện đó là hiện tượng ngắt lời khi giao tiếp.

Ngắt lời thực chất đã ngầm chỉ sự vi phạm quyền nói của người khác trong giao tiếp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, không phải tất cả các hành động ngắt lời được người nói sử dụng nhằm mục đích giành quyền nói hay cố gắng làm chủ cuộc thoại. Thay vào đó, một số hành động ngắt lời lại được sử dụng với mục đích bày tỏ sự cảm thông hay hợp tác. Ví dụ, trong khi người khác đang nói, việc đưa ra một câu hỏi có thể đơn giản chỉ là một dấu hiệu thể hiện hành động nghe tích cực (James và Clarke, 1993). Vì thế, có hai loại ngắt lời là ngắt lời cộng tác và ngắt lời cạnh tranh.

Câu hỏi đặt ra là, giữa nam và nữ thì giới nào ngắt lời nhiều hơn giới nào? Các nghiên cứu của West (1985) và West & Zimmerman (1983) cho thấy nam giới ngắt lời người đối thoại với họ thường xuyên hơn nữ giới. Chẳng hạn, trong khi hội thoại, nữ giới thường sử dụng các kênh phản hồi bày tỏ sự đồng tình như cách nói 'uh, huh', gật đầu hay cười (Tannen, 1990); trong khi đó, nam giới có xu hướng ngắt lời người khác (Holmes, 1995). Booth & Butterfield (1988) và Coates (1989) thì cho

rằng, phụ nữ ngắt lời chủ yếu với mục đích biểu hiện sự quan tâm, thích thú và thái độ cộng tác.

1.2. Bài viết này phân tích một số đoạn trích tiêu biểu trong các chương trình đàm thoại trên truyền hình có sự tham gia của cả hai giới nam và nữ. Hành động ngắt lời cũng như phản ứng của người nghe với hành động này sẽ được phân tích theo phương pháp định tính và định lượng.

2. Phân tích ngữ liệu và kết quả

2.1. Phân tích dữ liệu

Tư liệu mà chúng tôi thu thập là từ các chương trình đàm thoại trên truyền hình. Các chương trình được chọn ở đây là những chương trình khá phổ biến; mỗi chương trình có độ dài khoảng một giờ; trong mỗi chương trình đều có sự hiện diện của người dẫn chương trình và người tham gia. Người tham gia có độ tuổi trung bình từ 20 đến 50 và đều là những người nổi tiếng như các ca sĩ, diễn viên,...

Bối cảnh hội thoại của mỗi chương trình được lựa chọn theo các tiêu chí sau: (1) mỗi cuộc hội thoại đều có sự tham gia của cả nam và nữ và (2) mọi thành viên đều tích cực tham gia vào cuộc thoại trong đó không có ai đóng vai trò làm chủ cuộc thoại. Mỗi đoạn trích có độ dài khoảng 15 phút và có từ 4 đến 6 người tham gia (bao gồm cả nam và nữ).

2.2. Dưới đây là bảng tổng quát hành động ngắt lời với biểu thức ngắt lời từ tư liệu thực tế tiếng Việt.

Bảng 1. Ngắt lời với biểu thức ngắt lời trong tiếng Việt

Chủ thể	Hành động	Biểu thức	Tiêu chí ngắt lời	
X	Ngắt lời	Có dùng động từ ngắt lời	Y	Ngắt lời cạnh tranh
		Không dùng động từ ngắt lời		Ngắt lời cộng tác

Miêu tả cụ thể:

a. Ngắt lời cạnh tranh. Ví dụ:

Thúy (nữ): Chủ đề của chúng ta ngày hôm nay là khi vợ thành đạt...

Dũng (nam): À, thế chắc ngồi trước mặt tôi cũng là một người thành đạt phải không?

Trong đoạn trích này, Thúy giới thiệu chủ đề của cuộc đàm thoại là về những người đàn ông có vợ thành đạt. Dũng đã ngắt lời Thúy và chuyển chủ đề để hỏi về sự thành đạt của Thúy. Ở đây, Dũng có hành động ngắt lời nhưng không sử dụng động từ ngắt lời.

b. Ngắt lời cộng tác. Ví dụ:

Thúy (nữ): Trong 17 năm làm nghề truyền hình và...

Huy (nam): Xin ngắt lời Thúy một tí? Thúy có phải đi rất nhiều khi làm nghề truyền hình không?

Thúy (nữ): vâng, Thúy đi rất nhiều.

Trong đoạn thoại trên, Thúy đang kể lại sự nghiệp của mình trong ngành truyền hình. Huy đã ngắt lời Thúy để hỏi xem Thúy có phải đi lại nhiều trong nghề của cô. Ở đây, hành động ngắt lời của Huy chỉ đơn thuần là một cách để anh bày tỏ sự quan tâm tới chủ đề mà Thúy đang nói chứ không hẳn là để giành quyền làm chủ cuộc thoại. Trong hành động ngắt lời của mình, Huy đã dùng kèm với hành động xin phép. Có thể thấy, động từ ngắt lời thường không được sử dụng một mình mà hay đi kèm với các hành động khác như xin phép, yêu cầu, xin lỗi v.v.

Phản ứng trước việc bị ngắt lời, các chủ thể thường có các hành động như từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại hay không từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại, điều này được tổng hợp tại bảng 2.

Bảng 2. Phản ứng khi bị ngắt lời

Chủ thể	Phản ứng khi bị ngắt lời	
	Từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại	Không từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại
X		

Miêu tả cụ thể:

a. Phản ứng khi bị ngắt lời: từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại. Ví dụ:

Thúy (nữ): Chủ đề của chúng ta ngày hôm nay là khi vợ thành đạt...

Dũng (nam): À, thế chắc ngồi trước mặt tôi cũng là một người thành đạt phải không?

Thúy (nữ): Thúy không tự nhận mình là một người thành đạt...

Ở đoạn thoại trên, bị Dũng ngắt lời trong khi đang giới thiệu chủ đề của cuộc đàm thoại, Thúy đã để Dũng làm chủ cuộc thoại và chuyển sang nói về chính bản thân mình. Trong trường hợp này, Thúy đã từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại.

b. Phản ứng khi bị ngắt lời: không từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại. Ví dụ:

Thúy (nữ): Trong 17 năm làm nghề truyền hình và...

Huy (nam): Xin ngắt lời Thúy một tí? Thúy có phải đi rất nhiều khi làm nghề truyền hình không?

Thúy (nữ): vâng, Thúy đi rất nhiều.

Huy (nam): và gặp rất nhiều người đàn ông khác?

Dũng (nam): Ó, ý bạn là gì khi muốn nói Thúy ở gần nhiều người đàn ông khác?

Thúy (nữ): Thúy đã đi rất nhiều nơi và gặp gỡ nhiều người.

Trong đoạn trích này, Huy ngắt lời Thúy bằng cách hỏi xem liệu rằng Thúy có gặp nhiều người đàn ông khác. Thúy đã không để Huy làm chủ cuộc thoại mà vẫn tiếp tục nói về những trải nghiệm của mình trong công việc.

2.3. Kết quả

Thứ nhất, thống kê 122 cuộc thoại cho thấy: Số lần nam giới ngắt lời là 53; số lần nữ giới ngắt lời là 69. Như vậy, số lần ngắt lời của nữ giới cao hơn một chút so với số lần ngắt lời của nam giới. Có thể thấy, sự khác biệt này là không đáng kể. Kết quả này cũng cho thấy sự không tương ứng với các kết quả nghiên cứu trước đây

về giao tiếp của người Mỹ, đó là nam giới người Mỹ ngắt lời nữ giới nhiều hơn trong giao tiếp. Kết quả thu được cũng không cho thấy sự khác biệt lớn nào giữa các độ tuổi tham gia giao tiếp.

Thứ hai, chúng tôi đã phân chia các hành vi ngắt lời theo những tiêu chí khác nhau và nhận thấy rằng, có một xu hướng chung trong việc sử dụng hành vi ngắt lời giữa nam và nữ: ngắt lời cộng tác là 80/122, ngắt lời cạnh tranh là 42/122. Như vậy, xu hướng ngắt lời cộng tác có mức độ xuất hiện nhiều gần gấp đôi mức độ xuất hiện của ngắt lời cạnh tranh. Kết quả này không tương ứng với các kết quả nghiên cứu của Mỹ trước đây về hành vi ngắt lời của nữ giới với mục đích cộng tác.

Thứ ba, phản ứng khi bị ngắt lời được phân tích theo hai tiêu chí sau: từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại và không từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại. Cụ thể:

- Số lần bị ngắt lời: nam giới là 57/122, nữ giới là 65/122.

- Số lần từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại: nam giới là 56,3%, nữ giới là 68,8%.

- Số lần không từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại: nam giới là 56,3%, nữ giới là 68,8%.

2.4. Thảo luận

Thứ nhất, kết quả thu được cho thấy phụ nữ Việt ngắt lời nhiều hơn một chút so với nam giới. Kết quả này có thể được xem như một sự phản ánh xu hướng hiện nay của phụ nữ Việt khi họ ngày càng muốn thể hiện sự bình đẳng giữa nam giới và nữ giới. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, các vai nữ xuất hiện trong các chương trình trên truyền hình đều là những người có trình độ học vấn. Sự thay đổi về tư tưởng, văn hóa có thể đã dẫn đến những thay đổi các mô hình tương tác trong giao tiếp của nữ giới. Như đã đề cập ở phần trước, ảnh hưởng của giới là khá lớn trong các mô hình giao tiếp.

Bên cạnh đó, với số lượng hành động ngắt lời cộng tác nhiều hơn số lượng hành động ngắt lời cạnh tranh, có thể thấy điều này phù hợp với phong cách hội thoại hòa đồng, ưa cộng tác của người Việt.

Thứ hai, kết quả khảo sát cũng đã phản ánh sự giống nhau và khác nhau giữa nam giới và nữ giới về hành động của họ khi bị ngắt lời. Cả

hai giới đều thể hiện xu hướng từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại khi bị ngắt lời, đặc biệt với những hành động ngắt lời cạnh tranh. Xu hướng này thể hiện tính ưa hòa đồng, tránh xung đột trong phong cách giao tiếp của người Việt.

Với mức độ từ bỏ quyền làm chủ cuộc thoại cao hơn (68,8% của nữ so với 56,3% của nam), kết quả này cũng một lần nữa khẳng định phong cách hội thoại của nữ giới khi họ có xu hướng cộng tác trong việc xây dựng một mối quan hệ tốt đẹp trong giao tiếp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu trước đây về phong cách hội thoại của nữ giới.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu bước đầu của chúng tôi cho thấy, giới đóng một vai trò quan trọng trong giao tiếp của người Việt nói chung ở hành vi ngắt lời nói riêng. Do tư liệu có giới hạn nên những nhận xét rút ra trong bài này về hành vi ngắt lời cũng chỉ giới hạn trong bối cảnh giao tiếp cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Booth-Butterfield, M., & Booth-Butterfield, S. (1988), *Jock talk: Cooperation and competition within a university women's basketball team*. In B. Bate & A. Taylor (Eds.), *Women communicating: Studies of women's talk*. Norwood, NJ: Ablex.
2. Coates, J. (1989), *Gossip revisited: language in all-female groups*. In J. Coates & D. Cameron (Eds.), *Women in their speech communities*. London: Longman.
3. Holmes, J. (1995), *Women, men, and politeness*. London: Longman.
4. James, D., & Clarke, S. (1993), *Women, men, and interruptions: A critical review*. In D. Tannen (Ed.), *Gender and conversational interaction*. New York: Oxford University Press.
5. Lakoff, R. (1975), *Language and woman's place*. New York: Harper and Row.
6. Tannen, D. (1990), *You just don't understand*. New York: William Morrow.
7. West, C., & Zimmerman, D. (1983), *Small insults: A study of interruptions in cross-sex conversations between unacquainted persons*. In B. Thome, C. Kramarae, & N. Henley (Eds.), *Language, gender, and society*. Rowley, MA: Newbury House.
8. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb. Khoa học Xã hội.